

QUAN HỆ QUỐC TẾ

MỘT CUỘC CHIẾN TRANH GÂY CHIA RẼ

Nguyễn Thị Nga
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

Trong thời đại ngày nay, sau chiến tranh Việt Nam chưa có cuộc chiến tranh hay sự kiện quốc tế nào gây nhiều chia rẽ trong cộng đồng quốc tế như cuộc chiến tranh Iraq. Đó là sự chia rẽ giữa hai bờ Đại Tây Dương, thể hiện qua các cuộc họp và biểu quyết tại Hội đồng Bảo an Liên Hiệp quốc (HĐBA) và ngay trong khối NATO, sự chia rẽ giữa Mỹ các nước đồng minh lâu đời của Mỹ, sự chia rẽ giữa các chính phủ ủng hộ Mỹ và nhân dân của họ, cuộc chia rẽ trong nội bộ nước Mỹ.

1. Vực ngăn cách giữa hai bờ Đại Tây dương

Nhiều người cho rằng những tình cảm đoàn kết nhất trí của châu Âu với Mỹ đã bốc hơi do cuộc chiến tranh Iraq. Trước khi cuộc chiến nổ ra, giữa các nước lớn đã hình thành hai phái “chủ chiến” và chủ “hoà”. Phái chủ hoà do ba nước Pháp, Đức, Nga cầm đầu. Vì vậy, tại HĐBA Liên Hiệp quốc đã diễn ra các cuộc tranh luận bất phân thắng bại giữa một bên là các nước chủ chốt châu Âu nắm trong tay quyền phủ quyết và một bên là Mỹ với các nước ủng hộ Mỹ. Theo báo chí nước ngoài phân tích, châu Âu và Mỹ mặc dù là đồng minh, nhưng giữa hai

bên vẫn đua tranh trên nhiều lĩnh vực. Dù Mỹ có ưu thế trong cuộc cạnh tranh này, nhưng châu Âu chưa bao giờ từ bỏ mục tiêu của mình và cuộc chiến tranh Iraq chắc chắn sẽ đi ngược lại lợi ích của châu Âu. Một trong những nỗi lo lớn của châu Âu là chiến tranh sẽ cản trở nguồn tiếp dầu và làm cho giá dầu tăng đột ngột, tác động mạnh đến kinh tế châu Âu. Hơn nữa, việc vẽ lại bản đồ Trung Đông của Mỹ sẽ làm suy giảm ảnh hưởng của châu Âu ở khu vực và ở các khu vực khác trên thế giới. Hơn nữa, sau chiến tranh, các công ty dầu lửa chủ chốt của châu Âu ở Iraq sẽ mất đi những ưu thế tại Iraq mà vốn họ đang được hưởng trước đó. Đồng thời, an ninh châu Âu cũng sẽ bị ảnh hưởng bởi nhiều nhóm quá khích Hồi giáo coi châu Âu như kẻ đồng lõa với Mỹ trong cuộc chiến do Mỹ lãnh đạo “chống lại đạo Hồi”. Châu Âu gần thế giới Hồi giáo hơn so với Mỹ, biên giới của các nước châu Âu không được giám sát chặt chẽ như biên giới Mỹ, các mục tiêu an ninh của châu Âu ít được bảo đảm hơn và cộng đồng Hồi giáo sinh sống tại châu Âu lại khá đông đúc. Mặc dù thái độ các nước này có phần thay đổi cùng với sự tiến triển của cuộc chiến, nhưng Mỹ vẫn tỏ ra tức

giận về “thái độ bất hợp tác” của họ và đe dọa trừng phạt trả đũa. Khi tuyên bố cuộc chiến tranh Iraq kết thúc, Mỹ đã tuyên bố sẽ trừng phạt Pháp cả về kinh tế và chính trị vì Pháp đã châm ngòi cho một làn sóng chống chiến tranh Iraq trên toàn thế giới. Mỹ đã đưa ra nhiều tuyên bố rằng Mỹ đã bị một đồng minh phản bội và Pháp phải chịu hậu quả.

Sự chia rẽ đó còn được thể hiện trong sự chia rẽ của khối NATO. Đồng thời nó cũng tác động đến EU, chia EU thành hai phía, một bên là Anh, Tây Ban Nha, Italia, Đan Mạch, Hà Lan và Bồ Đào Nha ủng hộ quyết định của Mỹ dùng vũ lực tiến công Iraq, và một bên là các nước còn lại chia sẻ lập trường với Đức và Pháp phản đối chiến tranh. Hậu quả là EU đã đi tới sự bất đồng chung quanh sáng kiến về chính sách quốc phòng chung. Thủ tướng Bỉ tuyên bố chỉ ba nước Bỉ, Đức và Pháp được mời dự hội nghị cấp cao về quốc phòng. Bộ trưởng phụ trách các vấn đề châu Âu của Anh là D. Marshall bác bỏ kế hoạch này, cho rằng ý tưởng về một chính sách quốc phòng chung của châu Âu không thể không có Anh, vì nền quốc phòng của châu Âu thực chất là vấn đề của hai nước có tiềm năng quân sự lớn nhất là Anh và Pháp.

Các nhà bình luận cho rằng sau chiến tranh Iraq, trong quan hệ quốc tế tồn tại một sự chia rẽ sâu sắc. Trước đây các nước lớn còn tìm ra tiếng nói chung trong các vấn đề toàn cầu, nhưng hiện nay đã khác bởi vai trò to lớn của Liên Hiệp quốc trong việc bảo đảm an ninh-chính trị toàn thế giới đã bị phớt lờ. Các nước đều phải xem xét lại mối quan hệ với Mỹ vì trong cuộc chiến này, Mỹ đã bộc lộ

rõ mưu đồ làm bá chủ thế giới của mình, coi thường dư luận cộng đồng quốc tế và trật tự quốc tế.

2. Chia rẽ giữa Mỹ với một số đồng minh lâu đời của Mỹ.

Cuộc chiến tại Iraq đã gây ra sự chia rẽ giữa Mỹ và nhiều đồng minh thân cận vốn có truyền thống gắn bó lâu dài với Mỹ.

a) Sự chia rẽ giữa Mỹ và Canada

Sự chia rẽ ấy diễn ra ngay trên châu lục của nước Mỹ, nơi mà tinh thần lục địa (continentalism) đã sớm góp phần gắn kết hai nước Mỹ và Canada. Trong quá khứ, cả hai đều là thuộc địa của Anh. Khi Canada giành được độc lập một cách muộn màng, thì Mỹ đã trở thành một cường quốc kinh tế. Đảng Tự do của Canada đã chỉ đạo đất nước cố gắng bắt kịp một nước Mỹ hùng mạnh, giàu có thời hậu thuộc địa. Đầu tư của Mỹ dần thay thế đầu tư của Anh vào Canada. Hai nước có quan hệ thương mại lớn hơn bất kỳ hai quốc gia nào khác trên thế giới. Giá trị thương mại giữa hai bên lên đến 412 tỉ USD trong năm 2000, hay khoảng 1,1 tỉ mỗi ngày. Hiện nay 85% hàng xuất khẩu của Canada được xuất sang Hoa Kỳ. Nhìn chung, quan hệ thương mại giữa hai nước thuận lợi, đặc biệt là lượng hàng hoá và dịch vụ đi qua biên giới hai nước trong những năm gần đây tăng theo cấp lũy thừa. Mặt khác, Mỹ và Canada là hai nước có chung đường biên giới dài nhất trên thế giới, một đường biên giới mà hai bên không cần bảo vệ. Hai nước đã có chung những phân đội phòng vệ kết hợp và đã cùng sát cánh trong nhiều cuộc chiến tranh, trừ chiến tranh Việt Nam. Ngoài quan hệ

làm ăn, Canada lâu nay vẫn được coi là một trong những đồng minh thân cận nhất của Mỹ.

Cuộc chiến Iraq đã chia rẽ hai nước láng giềng được xem là có nhiều quan hệ này. Việc chính phủ Canada đã dám công khai từ chối tham gia vào cuộc chiến tranh tại Iraq đã gây một cú sốc bất bình đối với Mỹ. Trước việc chính quyền Canada cự tuyệt việc đưa quân sang Iraq, Đại sứ Mỹ tại Canada đã tuyên bố không úp mở rằng Mỹ "thất vọng" và "phật ý" về quyết định đó của ông bạn láng giềng. Tờ *Courier International* đã dẫn lại lời chỉ trích của vị đại sứ này trong bài diễn văn ông ta đọc tại Toronto, được coi là những lời chỉ trích gay gắt nhất của một quan chức ngoại giao cao cấp của Mỹ trước quyết định của phía Canada: "Khi xuất hiện đe dọa đầu tiên đối với nền an ninh của Canada, nước Mỹ sẽ sẵn sàng can thiệp... Chúng tôi sẽ không ngần ngại một chút nào. Chúng tôi sẽ ở đó, sát cánh với các bạn, bởi vì Canada tham dự vào gia đình chúng tôi. Đó là lý do vì sao mà người dân chúng tôi thất vọng và phật lòng đến như vậy khi Canada không hoàn toàn ủng hộ chúng tôi."⁽¹⁾ Vị cựu thống đốc bang Massachussetts này còn cho biết lập trường của Canada đã tác động đến Tổng thống Bush. Điều đó làm Canada trở nên dè chừng về những căng thẳng sẽ xảy ra giữa hai nước trên lĩnh vực ngoại giao và thương mại, ít ra trong thời gian trước mắt. Tờ *Courier International* trích lời của Jack Granastien, nhà sử học và đồng thời cũng là Chủ tịch của Hội đồng An ninh Canada về mối dự cảm là Canada có thể sẽ chịu sự trừng phạt của Mỹ: "Một trăm năm hữu nghị đã

trở thành số không. Khi tôi tham dự một hội nghị ở Hoa Kỳ, tôi đã kinh ngạc bởi sự oán hận đối với Canada. Thật là đơn giản, họ giận dữ với chúng ta. Họ cảm thấy là chúng ta đã phản bội lại những cam kết của chúng ta đối với an ninh Bắc Mỹ. Tôi không tin là Canada sẽ chịu đựng những hậu quả về thái độ của mình ngay tức thì, nhưng điều đó sẽ xảy ra ngay khi Mỹ kết thúc cuộc chiến. Từ lúc đó trở đi, tôi tin rằng Canada sẽ trả giá đắt..."⁽²⁾ Các nhà phân tích cho rằng Canada đã quyết định không tham gia cuộc chiến Iraq và điều đó không có nghĩa là họ không hay biết gì về những khả năng đó.

b) Quan hệ đối tác giữa Hoa Kỳ và Thổ Nhĩ Kỳ có nguy cơ sụp đổ

Tuy không có một quan hệ rộng lớn với Mỹ trên tất cả các lĩnh vực như Canada, nhưng trong số các nước ở khối Ả Rập, Thổ Nhĩ Kỳ vẫn được xem là một đối tác quan trọng của Mỹ. Thổ Nhĩ Kỳ là một đồng minh của Mỹ và Israel, một thành viên của NATO. Thổ Nhĩ Kỳ đã cùng chiến đấu với Mỹ trong các cuộc xung đột xa xôi như chiến tranh Triều Tiên, và từ đó đến nay đã ủng hộ mọi hành động quân sự của Mỹ. Đối với những nhân vật Hồi giáo cực đoan, nước Thổ Nhĩ Kỳ hiện đại đã quay lưng lại với thế giới Hồi giáo và bắt tay với phương Tây. Washington đã đề cao Thổ Nhĩ Kỳ, một quốc gia Hồi giáo duy nhất trong khối NATO, như một mô hình của nền dân chủ Hồi giáo mà các nước Hồi giáo khác có thể học tập.

Nhưng hiện nay, theo tờ *Newsweek*, 90% nhân dân nước này chống lại cuộc chiến tranh do Mỹ tiến hành tại Iraq. Vì vậy, mặc dù Washington đề

ngợi đồ hàng tỉ đô la cho nước này để nhận sự giúp đỡ mới của Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng chính phủ nước này vẫn không được Quốc hội ủng hộ trong việc cho phép quân Mỹ tiến vào Iraq từ các căn cứ của Mỹ ở Thổ Nhĩ Kỳ. “Mối quan hệ đối tác chiến lược” gắn bó giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Mỹ trong hơn nửa thế kỷ qua và được Mỹ khoe khoang khá nhiều đã trở nên có nguy cơ bế tắc từ tháng 3/2003, khi Quốc hội Thổ Nhĩ Kỳ từ chối không cho phép quân Mỹ sử dụng miền Đông Thổ Nhĩ Kỳ làm bàn đạp tấn công Iraq. Thổ Nhĩ Kỳ có một vị thế quan trọng trong chiến lược quân sự tiến công Iraq của Mỹ. Quyết định vào phút cuối của Quốc hội Thổ Nhĩ Kỳ đã làm cho Mỹ ngỡ ngàng, đành phải thay đổi phương án tác chiến. Chính quyền Thổ Nhĩ Kỳ dù không muốn phật lòng Mỹ, vì muốn đảm bảo một khoản viện trợ lớn mà Mỹ đã hứa dành cho nước này, nhưng sự phản ứng dữ dội của nhân dân họ thể hiện ở quyết định của Quốc hội đã khiến chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đành bó tay. Từ đó trở đi, hai nước này đã cố gắng vá vúi lại mối quan hệ. Tuy vậy, sau khi nhanh chóng chiếm đóng Iraq, Mỹ đã đề nghị Thổ Nhĩ Kỳ gửi quân đến Iraq trong nỗ lực tạo điều kiện làm giảm căng thẳng trong quan hệ song phương, nhưng chính quyền Thổ Nhĩ Kỳ lại tỏ ra không sốt sắng mà cũng chẳng sẵn sàng. Tiếp đó lại có thêm một sự kiện hóc búa nữa làm cho tình hình quan hệ giữa hai “đối tác chiến lược” càng tồi tệ hơn. Tờ The Economist tháng 7/2003 cho biết Tổng tư lệnh quân đội Thổ Nhĩ Kỳ, Hilmi Ozkok, nói rằng việc quân Mỹ bắt giữ 11 lính đặc nhiệm Thổ Nhĩ Kỳ ngày 4/7/2003 đã đánh dấu “cuộc khủng hoảng lòng tin

lớn nhất” từ trước đến nay giữa lực lượng quân sự của hai đồng minh trong khối NATO. Thế là, từ ngữ “quan hệ đối tác chiến lược” mà người ta thường nghe Mỹ nói đã không còn thấy xuất hiện trên phương tiện truyền thông nữa của Mỹ nữa.

Thổ Nhĩ Kỳ cho biết những lính Thổ bị bắt giữ là thành viên của một lực lượng được triển khai ở một khu đất của người Kurd nhằm giám sát lệnh ngừng bắn giữa hai phe người Kurd đang điều hành miền bắc Iraq. Nhưng người Mỹ nói rằng họ bắt những lính Thổ này vì nghi ngờ họ dính líu vào một âm mưu ám sát viên thống đốc người Kurd của tỉnh Kirkuk là tỉnh lăm dầu lửa của Iraq. Bộ trưởng Ngoại giao Thổ Nhĩ Kỳ Abdulkah Gul nói rằng những tuyên bố về một âm mưu ám sát là vô lý; còn Deniz Baykal, lãnh đạo của phái đối lập chủ yếu ở Quốc hội Thổ, thì gọi sự kiện này là “kinh tởm” và đã huỷ bỏ chuyến đi Mỹ của ông ta. Cũng theo tờ Economist, hiện nay những người Thổ bình thường và các nhà lãnh đạo của họ đều ngờ rằng phe điều hâu trong chính quyền Mỹ đã ra tay để trừng phạt họ do quyết định của Quốc hội Thổ Nhĩ Kỳ. Còn những nhà bình luận thì nói rằng một trong những nguyên nhân sâu xa hơn khiến Thổ Nhĩ Kỳ chẳng mặn mà với Mỹ trong cuộc chiến tranh Iraq là vì cuộc chiến chống Iraq đã làm phương hại đến quyền lợi trao đổi thương mại lên đến hàng tỉ đôla của Thổ Nhĩ Kỳ với Iraq mà chẳng được đền bù. Đồng thời sự phục hồi của người Kurd ở Iraq, những kẻ đang xun xoe nịnh bợ người Mỹ, sẽ là vấn đề đau đầu cho an ninh Thổ Nhĩ Kỳ trong tương lai. Việc cố gắng làm lành với ông bạn “đối tác”

chưa thực hiện được, Thổ Nhĩ Kỳ đã phải hứng chịu hàng loạt các vụ tấn công khủng bố trong tháng 11/2003. Mối quan hệ thân thiết giữa Thổ Nhĩ Kỳ với Mỹ và Israel hơn bao giờ hết đã bộc lộ vị thế nguy hiểm của nước này, biến nó trở thành một mặt trận khủng bố mới đầy thách thức. Về phía Thổ Nhĩ Kỳ, điều này đã đem lại cho họ những kinh nghiệm đắng cay.

c) Arab Saudi - người bạn không còn đáng tin cậy của Mỹ

Arab Saudi với trữ lượng dầu mỏ lớn nhất Trung Đông đã đóng vai trò người điều tiết giá dầu thế giới. Bằng động tác mở hoặc khoá van kho dự trữ dầu của mình trong những trường hợp cần thiết, Arab Saudi có thể làm cho giá dầu bình ổn. Lượng dầu dự trữ của nước này thường có khả năng thay thế hoàn toàn việc sản xuất dầu của một quốc gia xuất khẩu dầu lớn khác nếu nguồn cung cấp bị gián đoạn hay nước cung cấp dầu cố tình giảm sản lượng dầu để tăng giá. Lượng dầu dự trữ không những giúp cho giá dầu trong tầm kiểm soát, mà còn làm cầu nối giữa Riyadh với Mỹ và các quốc gia nhập khẩu dầu chủ yếu khác. Rõ ràng nó là một công cụ làm cho các nhà hoạch định chính sách ở những nơi khác chịu ơn Riyadh vì lý do an toàn về năng lượng.

Theo David Wyss, nhà kinh tế hàng đầu của công ty Standard and Poor's, Mỹ hiện chiếm khoảng 1/4 tổng nhu cầu về dầu mỏ của toàn thế giới, với con số 19,5 triệu thùng một ngày, trong đó 54% là nhập khẩu. Năng lượng là trọng tâm của sự thịnh vượng, của an ninh quốc gia và lối sống hiện đại của nước Mỹ. Chính vì vậy mà Mỹ luôn nhấn mạnh Arab

Saudi là một đồng minh của mình cho dù trong đội quân khủng bố có không ít công dân của Arab Saudi và Arab Saudi cũng là nước tài trợ cho các trường giáo dục đạo Hồi chính thống.

Về phía Arab Saudi, mối quan hệ liên minh với Mỹ giúp đảm bảo cho an ninh của nước này trong khu vực. Thế nhưng Arab Saudi đã công khai phản đối Mỹ triển khai cuộc chiến Iraq. Trả lời phỏng vấn truyền hình BBC ngày 17-2-2003, Bộ trưởng Ngoại giao Arab Saudi là Thái tử An Phai-xan cảnh báo rằng nếu Mỹ can thiệp vào Iraq mà không được HĐBA Liên Hợp Quốc chấp nhận thì điều đó sẽ được coi là một hành động xâm lược. Thái tử nêu rõ, ngay cả trong trường hợp Iraq không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của HĐBA về giải trừ vũ khí, Mỹ vẫn phải được LHQ cho phép⁽³⁾. Sau phản ứng của Arab Saudi, Mỹ cũng đã thôi nhắc đến Arab Saudi như một đồng minh đáng tin cậy, và trên báo chí Mỹ đã thấy xuất hiện nhiều bài xã luận công khai nói đến việc cần thiết xem xét lại mối quan hệ này từ phía Mỹ để có đối sách thích hợp với Arab Saudi. Như vậy, mối quan hệ thân thiết trong nhiều thập kỷ qua giờ đây đã thay đổi.

3. Sự chia rẽ giữa chính phủ các nước ủng hộ Mỹ và nhân dân của họ.

Quả là nước Mỹ có một số đồng minh ủng hộ nỗ lực của Mỹ lật đổ Saddam Hussein. Nhưng ở một số nước công khai ủng hộ Mỹ đã xảy ra mâu thuẫn gay gắt giữa chính phủ và nhân dân họ. Có thể kể một số trường hợp tiêu biểu:

+ Tại Australia, một đồng minh quan trọng của Mỹ đã ủng hộ cuộc

chiến của Mỹ tại Iraq bằng cách đưa quân tới Iraq tham chiến, số đông nhân dân đã lên tiếng chỉ trích chính phủ, nhất là Thủ tướng Howard. Thượng viện Australia đã thông qua một bản kiến nghị lịch sử về bất tín nhiệm Thủ tướng vì ông John Howard đơn phương cùng Mỹ chuẩn bị chiến tranh tại Iraq, quyết định đưa quân úc sang Iraq tham chiến bất kể ý kiến Quốc hội. Theo luật Australia, kết quả cuộc bỏ phiếu đó "không mang tính chất thay đổi chính phủ" mà chỉ có tính chất "tham khảo ý kiến". Tuy nhiên, nó lại có ý nghĩa quan trọng bởi đó là cuộc bỏ phiếu bất tín nhiệm đầu tiên tại Thượng viện Australia trong hơn 100 năm qua đối với một nhà lãnh đạo đương chức. Một quyết định tương tự cũng đã diễn ra tại Hạ viện. Thượng nghị sĩ Bob Brown, người đứng đầu Đảng Xanh bình luận cuộc bỏ phiếu bất tín nhiệm đã đánh dấu "việc kết tội có tính lịch sử đối với chính phủ". Trong lúc đó, bên ngoài Quốc hội đã liên tục diễn ra những cuộc biểu tình bày tỏ sự giận dữ trước quyết định của Thủ tướng đưa quân tham gia chiến tranh Iraq.

+ Ngay tại Anh, đồng minh thân cận nhất của Mỹ cũng xảy ra tình trạng tương tự. Tờ *Newsweek* đã chỉ trích gay gắt Thủ tướng Anh: Tony Blair đã gan góc vượt lên đầu, mặc dù đại đa số nhân dân Anh bất đồng với ông ta và nhạo báng ông ta là "con chó của Mỹ" ("America's poodle")⁽⁴⁾. Hãng Reuters đưa tin từ London cho biết, ngày 20/11/03 diễn ra cuộc biểu tình lớn nhất trong loạt biểu tình phản đối chiến tranh nhân chuyến thăm Anh của Tổng thống Mỹ G. Bush. Hàng trăm nghìn người đã tham gia các cuộc biểu tình với khẩu hiệu phản đối

chiến tranh và chuyến thăm của Tổng thống Mỹ. Trong khi tại phố Browning, Tổng thống Mỹ G. Bush và Thủ tướng Anh T. Blair đang thảo luận "lộ trình hoà bình của Iraq", thì trên các đường phố thủ đô nước Anh diễn ra cuộc biểu tình khổng lồ với khoảng 100 nghìn người tham gia kịch liệt phản đối chiến tranh. Nhiều người vạch rõ Mỹ đã tìm mọi cách lôi kéo Anh vào cuộc chiến tranh phi lý chống nhân dân Iraq, do đó phải chịu trách nhiệm về số phận các binh sĩ Anh⁽⁵⁾. Tiếp đó, Thủ tướng Anh đã đứng trước sức ép của dư luận nội bộ Anh đòi ông từ chức và Chính phủ Anh phải chịu trách nhiệm về thông tin sai sự thật liên quan vấn đề vũ khí huỷ diệt (WMD) tại Iraq để biện minh cho việc Anh và Mỹ khởi sự cuộc chiến chống Iraq. Cuộc chiến tại Iraq không những làm cho chiếc ghế và uy tín của Thủ tướng Anh Tony Blair lung lay mà còn hạ thấp uy tín của Đảng cầm quyền, bởi theo cuộc thăm dò dư luận do hãng YouGov tiến hành công bố trên báo "Telegram" ngày 29/3/2004, uy tín của đảng Bảo thủ đối lập ở Anh đã vượt Công đảng cầm quyền của Thủ tướng Tony Blair. 66% những người được hỏi thất vọng trước những gì mà chính phủ Công đảng đã làm và 66% nói chính phủ của Thủ tướng Tony Blair "không trung thực và không xứng đáng được họ tin tưởng". Nhất là sau cái chết của ông De Keli, một chuyên gia của Bộ Quốc phòng Anh và là cựu thanh sát viên vũ khí của LHQ tại Iraq, đồng thời là nguồn chính cung cấp cho BBC tin tức liên quan đến chính phủ Anh về WMD của Iraq, dư luận chỉ trích Thủ tướng Anh càng dấy lên mạnh mẽ.

+ Các nhà lãnh đạo Tây Ban Nha và Italia cũng đương đầu với sự chống

đối tượng tự của công chúng trong nước đối với lập trường của họ. Ngay trước khi nổ ra cuộc chiến tranh ở Iraq, các cuộc thăm dò dư luận cho thấy 85% người dân Tây Ban Nha phản đối chiến tranh bất chấp Liên Hiệp quốc có cho phép tấn công Iraq hay không. Trong khi đó, chính phủ Tây Ban Nha chỉ xếp sau Anh trong quan hệ thân thiết với Mỹ tại Liên Hiệp quốc. Tây Ban Nha không những bỏ phiếu thuận cho Mỹ trong HĐBA mà còn vận động những thành viên khác ủng hộ chiến tranh. Đích thân Thủ tướng Aznar đã nói chuyện với hàng chục nước Arab và lãnh đạo các quốc gia Trung và Nam Mỹ để vận động thêm cho Mỹ. Tờ *Washington Post* đã bình luận "Vai kẻ vai bên Tổng thống Bush trong cuộc chiến tranh Iraq, Thủ tướng Tây Ban Nha Jose Maria Aznar đã đặt sự nghiệp chính trị của mình vào một canh bạc lớn"⁽⁶⁾. Lời bình luận đó tỏ ra chính xác. Quả vậy, cuộc khủng bố tại Madrid đã góp phần làm cho người dân Tây Ban Nha đi đến một quyết định dứt khoát là thay thế vị Thủ tướng đương nhiệm bằng một vị tân Thủ tướng vốn chống lại cuộc chiến tại Iraq. Vừa mới nhậm chức và thành lập xong nội các, tân Thủ tướng Tây Ban Nha đã thực thi lời hứa của mình với công chúng bằng cách chính thức tuyên bố rút quân Tây Ban Nha khỏi Iraq càng sớm càng tốt. Một quyết định gây bất ngờ cho dư luận quốc tế và tạo bất lợi cho Mỹ trong nỗ lực tập hợp lực lượng quốc tế để ổn định tình hình an ninh, trật tự ở Iraq.

Ở Italia, sau khi con tin người Italia bị hành quyết, sức ép của công chúng và dư luận Italia đối với Thủ tướng Berlusconi càng trở nên gay gắt

hơn bởi nhiều người Italia cho rằng chẳng có lý do gì quân đội Italia phải ở lại Iraq theo ý muốn của người Mỹ và rằng họ chỉ có thể ở lại Iraq do sự uỷ nhiệm của Liên Hợp quốc mà thôi. Tất nhiên cho đến nay chưa hề có sự uỷ nhiệm đó.

+ Còn công chúng của "châu Âu mới" thì sao? Donald Rumsfeld đã đưa ra công bố gây tranh cãi và bất bình vì đã gọi các nước Tây Âu bằng cái tên "châu Âu cũ". Theo ông, trong khi "châu Âu cũ" - Pháp và Đức - có thể chống lại chính sách của Mỹ, thì "châu Âu mới" sẵn lòng chấp thuận chúng. Tờ *Newsweek* phân tích rằng điều đó không hoàn toàn đúng. Các chính phủ Trung Âu ủng hộ Washington, nhưng số dân chống lại chính sách của họ cũng hầu như nhiều không kém gì "châu Âu cũ."⁽⁷⁾ Thổ Nhĩ Kỳ là một ví dụ. Chính phủ Mỹ cũng tuyên bố rằng nhiều quốc gia âm thầm ủng hộ Mỹ mà không tuyên bố. Tác giả bài báo trên tờ *Newsweek* trên cho rằng các quốc gia không công khai ủng hộ Mỹ không phải vì họ sợ Saddam Hussein mà vì họ phản ứng của nhân dân trong nước. Thực tế trong những năm vừa qua, nước Mỹ đã trở thành một đề tài vận động tranh cử ở Đức, Hàn Quốc và Pakistan và chống Mỹ có thể là một cách kiếm phiếu ở ba nơi trên.

4. Sự chia rẽ trong nội bộ nước Mỹ

Với việc gây sức ép chuẩn bị cho cuộc tiến công Iraq, chính quyền Mỹ cũng gây ra một sự chia rẽ lớn trong nội bộ nước Mỹ. Ngay trong chính quyền Mỹ, cũng có những rạn nứt lớn. Đó là sự bất đồng về đường lối đối nội và đối ngoại giữa Lầu Năm góc và Bộ

Ngoại giao, mà đại diện của chúng là Bộ trưởng Quốc phòng Donald Rumsfeld và Bộ trưởng Ngoại giao Colin Powell. Dưới thời Tổng thống Bush cha, ông Cheney đã cùng với ông Powell vạch kế hoạch và điều hành chiến dịch Bão táp Sa mạc năm 1991. Nhưng trên con đường đi tới cuộc chiến tranh ở Iraq lần này, hai người đã nhiều lần công khai bất đồng quan điểm. Bộ trưởng Ngoại giao Colin Powell được coi là tiếng nói ôn hoà hơn trong một số vấn đề cầm quyền ở Washington, trong đó có vấn đề Iraq. Bộ Ngoại giao ủng hộ một chính sách đa phương trong các vấn đề quốc tế, trong khi phái điều hâu muốn khẳng định vai trò của Mỹ với tư cách là siêu cường duy nhất trên thế giới. Trong khi các ông Cheney và Rumsfeld chủ trương can thiệp quân sự từ đầu, ông Powell đã ủng hộ việc Liên Hiệp quốc nối lại các cuộc thanh sát vũ khí ở Iraq. Phái bảo thủ trong chính quyền Mỹ đã chỉ trích gay gắt Bộ Ngoại giao Mỹ, lên án Bộ này làm hại các mục tiêu trong chính sách đối ngoại của Tổng thống G. Bush và khiến Mỹ thất bại trên mặt trận ngoại giao về vấn đề Iraq.

Nhiều chính khách nổi tiếng của Mỹ cũng lên tiếng chỉ trích cuộc chiến đánh phủ đầu ở Iraq. Tờ *Newsweek* trích dẫn thái độ của cựu Tổng thống Carter: "Đây là lần tiên kể từ thời đế quốc La Mã, và có thể cả trước đó nữa, nước Mỹ đã trở thành một nhân tố quân sự và chính trị, và có thể là cả nhân tố kinh tế có sức thống trị trên Trái đất... Làm thế nào để điều khiển sức mạnh vô cùng to lớn mới có được này theo một hướng có trách nhiệm và nhân ái là một thách thức mà chúng ta chưa từng đối mặt... Tôi nghĩ rằng

sẽ thật là sai lầm nếu chúng ta trở nên kiêu căng ngạo mạn, hay ý thế quá dễ dàng vào sức mạnh quân sự mà không cần biết đến những nhu cầu chính đáng của những con người trên khắp thế giới"⁽⁸⁾

Báo chí Mỹ cho rằng cuộc chiến tranh mà Mỹ phát động ở Iraq đã gây chia rẽ giữa các công dân Mỹ ở mọi tầng lớp, giới tính, lứa tuổi, màu da và trình độ học vấn. Theo các nhà quan sát, sự chia rẽ này có nguy cơ phá vỡ sự đoàn kết dân tộc xuất hiện sau sự kiện 11-9 tại New York và Washington. Tác giả cuốn "Nước Mỹ bị chia rẽ: Cuộc nội chiến trong những năm 60" cho rằng nước Mỹ đang bị chia rẽ như họ đã từng bị chia rẽ trong thời gian xảy ra cuộc chiến tranh Việt Nam". Theo ông, lực lượng quân đội Mỹ tập trung quanh Iraq càng lớn thì sự chia rẽ trong lòng nước Mỹ càng sâu sắc. Nhiều người dân Mỹ lo sợ rằng nước Mỹ sẽ trở thành mục tiêu của các cuộc tiến công khủng bố và nền kinh tế Mỹ sẽ chịu một cú đấm mới như sau ngày 11-9-2001⁽⁹⁾. Nhiều cuộc biểu tình và tuần hành đã diễn ra trên nhiều thành phố của Mỹ để phản đối chính quyền nước này phát động chiến tranh tại Iraq. Sự phản đối chiến tranh còn diễn ra dưới nhiều hình thức khác, như "biểu tình ảo". Hàng trăm nghìn lá thư, bản fax và thư điện tử đã được gửi đến văn phòng các Thượng nghị sĩ Liên bang, Nhà Trắng và các trụ sở của Chính phủ Mỹ tại Washington trong một đợt biểu tình ảo do tổ chức Liên minh các Tổ chức vì Hoà bình tại Mỹ phát động ngay trước khi tiếng súng giao tranh nổ ra. Đồng thời, chỉ trong vòng vài tiếng đồng hồ ngày 26/2/2003, hơn một triệu cuộc gọi từ khắp nước Mỹ

với thông điệp phản chiến đã làm nghẽn mạch hệ thống điện thoại tại các văn phòng Chính phủ ở Washington.

Sau khi Mỹ tuyên bố kết thúc chiến tranh Iraq, trong nội bộ giới chính trị chóp bu của Mỹ vẫn thể hiện sự chia rẽ sâu sắc trong cách nhìn về cuộc chiến tranh đó. Báo "*US Today*" ngày 22-3 dẫn lời một Thượng nghị sĩ hàng đầu Đảng Dân chủ tại Thượng viện nói rằng người dân Mỹ có lẽ bị lôi kéo vào việc chấp nhận một cuộc xâm lược vô cớ một quốc gia có chủ quyền, vi phạm luật lệ quốc tế, với những chứng cứ giả mạo. Thượng nghị sĩ này cho rằng cuộc chiến tranh xâm lược Iraq đã đặt ra một loạt câu hỏi nghiêm túc về những mảnh khoe chính trị lập lờ nước đôi về việc sử dụng vũ lực một cách vô trách nhiệm. Trong khi đó, các nghị sĩ Đảng Cộng hoà cũng bày tỏ bất bình với kế hoạch tái thiết Iraq. Phát biểu trong cuộc điều trần tại Ủy ban Đối ngoại Thượng viện, Thượng nghị sĩ đảng Cộng hoà Richard Lugar (bang Indiana) nói rằng việc thành lập một "chế độ dân chủ, ổn định" ở Iraq có nguy cơ thất bại do những kế hoạch (của chính quyền Mỹ) đưa ra không thích hợp⁽¹⁰⁾.

Vậy điều gì đã xảy ra đối với cuộc chiến đầy chia rẽ này?

Với sức mạnh quân sự to lớn, Mỹ đã tiến hành cuộc chiến mà không cần Liên Hợp quốc phê chuẩn. Chiến thắng nhanh chóng của Mỹ ở Iraq bước đầu làm tăng uy tín của phái bảo thủ mới ở trong và ngoài nước Mỹ và làm cho thế giới ngỡ ngàng. Tuy nhiên, trong nước Mỹ đã bắt đầu có nhiều tiếng nói cảnh cáo phái bảo thủ mới phải biết kiềm chế và dừng lại, nếu cứ tiếp tục theo đuổi chủ nghĩa

đơn phương và bá quyền thì có thể làm Mỹ bị cô lập và đưa tới tai hoạ. Bởi lẽ thực lực của Mỹ không phải là vô hạn. Quả vậy, sau khi Mỹ tuyên bố kết thúc chiến tranh, tình hình an ninh ở Iraq diễn tiến phức tạp. Khó khăn của việc kiến tạo hoà bình ở Iraq ngày càng thể hiện rõ đối với chính quyền Mỹ vốn mới đây còn quá lạc quan. Một năm sau khi Mỹ tuyên bố kết thúc chiến tranh, tình hình an ninh tại Iraq thực sự rơi vào khủng hoảng. Con số binh sĩ Mỹ tử vong và bị thương tăng lên từng ngày. "Cuộc chiến sau chiến tranh" mà giới báo chí quốc tế sử dụng để chỉ tình trạng này đã trở thành một cụm từ mang đầy đủ ý nghĩa của nó. Tình hình càng thêm rối rắm khi người Hồi giáo dòng Shiite - trước đây vốn không ủng hộ sự lãnh đạo của cựu Tổng thống Saddam Hussein - đang nổi dậy chống lại sự chiếm đóng của các lực lượng nước ngoài. Nếu họ liên kết với người Hồi giáo dòng Sunni thì chắc chắn Mỹ sẽ gặp nhiều khó khăn hơn. Việc bắt cóc con tin mà không có biện pháp ngăn chặn được cũng khiến chính phủ nhiều nước tham chiến lúng túng. Những chính phủ liên minh với Mỹ trong cuộc chiến này đang đứng trước một tình thế tiến thoái lưỡng nan. Nếu rút quân về nước sẽ làm tổn hại mối quan hệ với Mỹ và làm mất uy tín của chính phủ họ. Mặt khác nếu để công dân mình bị bắt cóc làm con tin và bị hành quyết thì sẽ gặp phải sự phản ứng khôn lường của công chúng trong nước. Tuy nhiên, Tây Ban Nha vẫn quyết định rút quân. Quyết định này của tân Thủ tướng Tây Ban Nha - một nước đã cùng với Anh làm trụ cột chính trong nhóm các nước thân Mỹ ở châu Âu - để quay lại với mái nhà

chung châu Âu có nguy cơ trở thành một vệt dầu loang. Bởi tiếp liền với Tây Ban Nha là tuyên bố triệt thoái quân của Honduras và Cộng hòa Dominica. Thái Lan cũng tỏ ra dao động khi tuyên bố sẽ rút quân nếu lực lượng Thái Lan tại Iraq bị tấn công. Động thái rút quân của một số nước trong quân đội liên minh là một nỗi lo ngại của Mỹ trong những ngày tới. Trong khi đó, nhiều đồng minh quan trọng như Pháp, Đức, Canada không đóng vai trò tiếp ứng cho Mỹ vì đã phản đối hoặc không ủng hộ cuộc chiến ngay từ đầu. Rốt cuộc việc tái thiết Iraq không thể thực hiện như dự tính và chi phí cho chiến tranh và an ninh tại Iraq ngốn những khoản khổng lồ trong ngân sách Mỹ. Toàn bộ diễn tiến tại Iraq đặt nước Mỹ vào một tình trạng gay gắt và phủ một bóng đen lớn lên cuộc tái tranh cử của ông Bush. Các lực lượng phản đối cuộc chiến tranh tại Iraq trong nước Mỹ và trên thế giới lấy đó làm bằng chứng để chứng minh rằng ông Bush sai lầm. Đảng Dân chủ với ủng hộ viên của mình vốn chưa phải là gương mặt thật sáng giá trên đấu trường bỗng trở thành nặng ký hơn và họ có lý do để hy vọng.

Quả thật ít có cuộc chiến tranh nào trên thế giới gây nên một sự chia rẽ như cuộc chiến tranh Iraq. Một mặt, những sự chia rẽ ấy nói lên bản chất của cuộc chiến tranh. Thực tế đã cho người ta thấy rằng thế giới đã không an toàn hơn từ sau khi Saddam bị lật đổ và những lập luận của người Mỹ về chiến tranh đã không đủ cơ sở để bảo vệ. Mặt khác, chúng dự báo rằng mặc dù chủ nghĩa đơn phương có thể đạt được thắng lợi quân sự nhanh chóng, nhưng chiến thắng đó không thể làm

cột chống lâu dài cho một nền chính trị cường quyền mà Mỹ theo đuổi. Phía sau chiến thắng đó đã tiềm ẩn nhiều bất trắc và một cuộc chiến tranh dai dẳng khác mà chủ nghĩa cực quyền không thể giải quyết. Tình hình hiện nay tại Iraq khiến Mỹ dường như đang làm dịu đi chủ nghĩa đơn phương của mình trong lúc tìm kiếm đối tác chính trị và sự phê chuẩn chính trị của Liên Hợp Quốc mà trước đó Mỹ bất chấp. Mặt khác, sự ra đi của Thủ tướng Aznar cũng gióng lên hồi chuông cảnh báo về sự bấp bênh của một chính phủ đi ngược lại nguyện vọng của nhân dân, dù chính phủ đó đang liên minh với một siêu cường mạnh nhất thế giới. Về phía Tổng thống Bush, nếu sự kiện 11/9 - theo cách nói của một nhà báo Mỹ - như một phép thần kỳ bỗng chốc biến ông thành "một nhà lãnh đạo anh hùng" khi ông bày tỏ lòng xót đau trước thảm họa của dân tộc và tuyên bố quyết tâm truy đuổi những kẻ khủng bố, đồng thời sự kiện này cũng giúp Tổng thống Bush tập hợp đại đa số nhân dân Mỹ sau lưng mình, thì giờ đây nhiều người tự hỏi cuộc chiến tranh đầy chia rẽ này liệu có kết thúc sự nghiệp chính trị của ông trong mùa bầu cử tới hay không ?

Chú thích:

- (1) Xem Courier International 3-9/4/2003, tr.24
- (2) Xem tài liệu vừa dẫn
- (3) Tin TKĐB 29/2/2003
- (4) Newsweek 24/3/2003
- (5) Báo Nhân dân số ra ngày 21/11/2003, tr. 8, 4.
- (6) Trích dẫn lại từ Quốc tế số 13, 27/3-2/4/2003, tr.11.
- (7) Newsweek 24/3/ 2003, tr. 14
- (8) Newsweek 25/2-4/3/2004, tr.74
- (9) Báo Nhân dân 13/3/2002, tr. 7
- (10) Báo Hà Nội Mới 24/5/03, tr. 8